TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 04 - 3 - 2022
"V/v *tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi nợ tiền phường*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Diễn.

Bà Nguyễn Thị Đoan.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi nợ tiền phường, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐHPT-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Ông Phạm Công Ch, sinh năm 1960
Địa chỉ: Thôn Ng 4, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
-***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn Ng 3, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
(*Tại phiên tòa có mặt ông Ch, vắng mặt chị H không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Phạm Công Ch trình bày: Ông và chị Nguyễn Thị H là người quen biết cùng xã A, huyện Q. Hiện tại chị H còn nợ ông hai khoản nợ như sau:

-Khoản tiền vay: Vào ngày 14/7/2017 (âm lịch) ông cho chị H vay số tiền 20.000.000đồng (*hai mươi triệu đồng*), khi vay hai bên có viết biên nhận đề ngày 14/7 âm lịch. Ngày 15/8/2018 (âm lịch) chị H tiếp tục vay ông số tiền là 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*), khi vay hai bên có viết biên nhận đề ngày 15/8 âm lịch. Tại mỗi biên nhận chị H đều ký tên, từ đầu năm 2019 ông Ch đã nhiều lần yêu cầu chị Htrả hai khoản vay trên nhưng chị Hkhất nợ và không trả ông số nợ trên.

-Khoản tiền phường nộp cho chị H do chị H làm chủ phường: Ông Ch có vào 03 phường tiền do chị H đứng ra tổ chức và làm chủ phường, hình thức chơi phường là mua phường, ai mua cao người đó sẽ được lấy, mỗi tháng một lần mua, mỗi lần chỉ có một người mua cao nhất được lấy phường, người đã lấy phường thì phải trả 100% cho người đã nộp cho mình khi họ đến kỳ lấy phường. Đối với chị H là chủ phường thì không phải mua, chị Hđược lấy lần đầu hoặc lần hai và các con phường phải đóng đủ 100% cho chủ phường. Chủ phường có nghĩa vụ thu tiền của những người đã lấy phường và những người mua thấp không được lấy để trả cho người mua cao được lấy phường khi đến kỳ nộp phường, nếu không thu được thì chủ phường phải có nghĩa vụ bỏ tiền túi ra để đóng thay. Do ông chưa có nhu cầu mua phường và muốn lấy sau để được 100%, lên ông không tham gia họp phường, không tham gia mua phường, hàng tháng chị Hđến nhà ông thông báo số tiền người mua được phường và ông đóng tiền trực tiếp cho chị Hằng.

-Phường thứ nhất mở vào ngày 25/6/2017 có 25 người chơi trong đó ông Ch chơi 01 chân phường 3.000.000đồng/1 chân phường. Ông đã nộp được 16 tháng (16 lần nộp phường cho 16 người mua cao được lấy phường và chủ phường). Tổng số tiền gốc ông nộp cho chị H16 lần = 36.175.000đồng (trong đó có chân phường của chị Hông đóng đủ 3.000.000đồng). Nếu đến lượt ông Ch lấy phường thì 16 người trên phải nộp đủ cho ông là 3.000.000đồng x16 người = 48.000.000đồng.

-Phường tiền ngày 10/11/2017 có 42 người chơi, ông Ch chơi 02 chân phường 3.000.000đồng/1 chân phường, hai chân phường = 6.000.000đồng. Ông đã nộp được 11 tháng (11 lần nộp phường cho 11 người mua cao được lấy phường và chủ phường). Tổng số tiền gốc ông nộp cho chị H11 lần = 48.780.000đồng (trong đó có chân phường của chị Hông đóng đủ 6.000.000đồng). Nếu ông đến lượt lấy phường thì 11 người trên phải nộp đủ cho ông 6.000.000đồng x11 người = 66.000.000đồng.

- Phường tiền ngày 20/5/2018 có 15 người chơi, ông Ch chơi 01 chân phường 5.000.000đ/1 chân phường. Ông đã nộp được 05 tháng (05 lần nộp phường cho 05 người mua cao được lấy phường và chủ phường). Tổng số tiền gốc ông nộp cho chị H05 lần = 20.500.000đồng (trong đó có chân phường của chị Hông đóng đủ 5.000.000đồng). Nếu ông đến lượt lấy phường thì 05 người trên phải nộp đủ cho ông 5.000.000đồng x5 người = 25.000.000đồng.

Tháng 9/2018 thì chị Hthông báo cho ông là dừng chơi ba phường trên vì lý do một số người đã lấy phường bỏ đi nơi khác, một số người thì đến lượt trả nợ phường nhưng không nộp. Ông đã nhiều lần yêu cầu chị Hphải trả cho ông số tiền gốc đã đóng 03 phường, chị Hđã trả cho ông làm nhiều lần là 28.000.000đồng (hai mươi tám triệu đồng) sau đó không trả nữa. Nay ông Ch đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Hphải trả cho ông khoản tiền vay là 70.000.000đồng (*bẩy mươi triệu đồng*) và số tiền gốc của ba phường tiền ông đã đóng cho chị H được trừ đi số tiền chị H đã trả 28.000.000đồng. Cụ thể như sau: 36.175.000đồng + 20.500.000đồng + 48.780.000đồng = 105.455.000đồng trừ đi 28.100.000 đồng = 77.355.000đồng (*bẩy mươi bẩy triệu ba trăm năm mươi năm ngàn đồng*). Tổng hai khoản là 147.355.000đồng (*một trăm bốn mươi bẩy triệu ba trăm năm mươi năm ngàn đồng*) ông không yêu cầu tiền lãi của hai khoản tiền nói trên.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H tại biên bản ghi lời khai và tại biên bản hòa giải chị Htrình bày: Đối với khoản tiền vay chị H thừa nhận chị có vay của ông Ch hai khoản tiền, thời gian vay như ông Ch đã trình bày là đúng. Khi vay hai bên có viết biên nhận vay tiền do ông Ch giữ và đã nộp cho Tòa án, sau thời điểm vay một thời gian chị không nhớ rõ thời gian cụ thể, khi ông Ch đòi nợ, chị đã trả ông Ch toàn bộ số tiền hai khoản vay trên. Do tin tưởng nhau lên chị không lấy lại biên nhận vay tiền và chỉ yêu cầu ông Ch hủy đi, nhưng thực tế ông Ch không hủy hai giấy biên nhận này và sau đó vẫn yêu cầu chị trả nợ. Vì vậy chị bác bỏ yêu cầu của ông Ch đối với khoản vay trên.

-Đối với khoản nợ tiền phường của ba phường như ông Ch đã khai chị Hthừa nhận chị là người tổ chức và làm chủ ba phường tiền ngày 25/6/2017, phường tiền ngày 10/11/2017 và phường tiền ngày 20/5/2018. Ông Ch là con phường đã chơi và góp tiền cả ba phường tiền trên cho chị vào ngày mở phường hàng tháng. Tổng số tiền gốc ba phường tiền chị đã nhận của ông Ch như ông Ch đã trình bày là đúng. Do trong quá trình chơi phường, một số người đã lấy phường chuyển đi nơi khác không biết địa chỉ, một số người thì không trả nợ phường khi đến kỳ hạn, vì vậy đến tháng 9/2018 ba phường trên chấm dứt. Sau thời điểm tháng 9/2018 ông Ch nhiều lần đòi tiền đã góp ba phường trên và chị đã trả rải rác nhiều lần tổng là 28.100.000đồng. Nay ông Ch yêu cầu chị trả số tiền gốc ông Ch đã đóng là 77.355.000đồng (*đã trừ đi số tiền chị đã trả 28.100.000đồng*) chị nhất trí sẽ trả ông Ch số tiền gốc còn lại, nhưng chị đề nghị khi nào thu đủ số tiền của người đã lấy phường chị sẽ trả cho ông Ch sau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều

vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần 1 và lần 2, như vậy bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ch: Buộc chị Hphải trả cho ông Ch toàn bộ số tiền nợ của hai khoản nợ là 70.000.000đồng và số tiền gốc của ba phường tiền ông Ch đã đóng cho chị H105.455.000đồng được trừ đi số tiền chị Hđã trả cho ông Ch 28.100.000 đồng. Tổng hai khoản chị Hphải trả cho ông Ch là 147.355.000đồng

Về án phí: Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Ng 3, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Áp dụng pháp luật giải quyết: Giao dịch dân sự vay tài sản và giao dịch tài sản về tiền phường giữa ông Ch và chị Htrên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự phù hợp với quy định tại Điều 117; 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Phạm Công Ch yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả khoản tiền vay nợ và khoản tiền góp chơi phường thấy rằng:

- *Về yêu cầu trả nợ khoản vay tiền vay nợ*: Tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải chị Hđều thừa nhận có vay của ông Ch hai khoản vay 70.000.000đồng: Vào ngày 15/8/2018 (âm lịch) là 20.000.000đồng và ngày 14/7/2017 (âm lịch) là 50.000.000đồng. Hai khoản vay nợ trên thể hiện tại hai biên nhận vay tiền do chị Htrực tiếp viết và ký nhận vay tiền do ông Ch xuất trình cho Tòa án. Quá trình hòa giải chị Hcho rằng chị đã trả cho ông Ch hai khoản nợ trên nhưng không nhớ rõ thời điểm trả và đã yêu cầu ông Ch hủy hai giấy biên nhận vay tiền. Tòa án đã yêu cầu chị Hcung cấp chứng cứ để chứng minh nhưng chị Hkhông cung cấp được chứng cứ và không chứng minh được chị đã trả cho ông Ch hai khoản nợ trên, đồng thời chị cũng không chứng minh được căn cứ thể hiện chị đã yêu cầu ông Ch hủy hai giấy vay tiền do ông Ch nắm giữ. Mặt khác trong quá trình tố tụng cả chị Hvà ông Ch đều thừa

nhận từ sau thời điểm vay lần thứ hai ông Ch liên tục đòi nợ chị Hhai khoản nợ trên đến thời điểm ông Ch nộp đơn khởi kiện. Như vậy lời khai của chị Hcho rằng đã trả ông Ch hai khoản vay trên là không có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của ông Ch buộc chị Hphải có nghĩa vụ trả ông Ch số tiền vay 70.000.000đồng và ông Ch không yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ pháp lý và phù hợp với Điều 463, 469 Bộ luật dân sự.

-*Về khoản tiền nợ góp phường*: Tại biên bản ghi lời khai , biên bản hòa giải và bản phô tô sổ theo dõi chơi phường chị Hđã nộp cho Tòa án thể hiện chị Hđứng ra lập và làm chủ phường và ông Ch là con phường của ba phường tiền ngày 25/6/2017, phường tiền ngày 10/11/2017 và phường tiền ngày 20/5/2018. Hình thức chơi là mua phường hàng tháng. Đối với chị Hlàm chủ phường không phải mua phường và được quyền lấy 100%. Tính từ thời điểm chị H lập phường đến thời điểm dừng chơi phường vào tháng 9/2018, chị H nhận của ông Ch số tiền góp chơi phường hàng tháng của ba phường tổng là 105.455.000đồng (*tương ứng số tiền ba phường: 36.175.000đồng + 20.500.000đồng + 48.780.000đồng = 105.455.000đồng*), trong đó có xuất phường của chị H. Quá trình hòa giải ông Ch và chị H đều thừa nhận sau thời điểm tháng 9/2018 ông Ch đã liên tục đòi lại số tiền phường đã góp (tiền gốc) và chị Htrả rải rác làm nhiều lần cho ông Ch được 28.100.000 đồng. Chị Hnhất trí trả ông Ch số tiền gốc còn lại là 77.355.000đồng với điều kiện khi nào thu đủ số tiền của những người đã lấy. Ông Ch yêu cầu chị Hphải trả ngay số tiền gốc còn lại và ông không yêu cầu trả tiền lãi. Căn cứ vào hướng dẫn tại Điều 18 Nghị định số 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính Phủ hướng dẫn về Hụi, Họ, Biêu, Phường quy định nghĩa vụ của chủ họ phải nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông Ch buộc chị Hphải có nghĩa vụ trả ông Ch số tiền gốc còn lại mà ông Ch đã góp ba phường tiền cho chị Hlà 77.355.000đồng và ông không yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ pháp lý và phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hụi, Họ, Biêu, Phường.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hụi, Họ, Biêu, Phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công Ch.

2. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Phạm Công Ch khoản tiền vay là 70.000.000đồng và khoản tiền gốc còn lại đã góp phường là 77.355.000đồng. Tổng hai khoản tiền buộc chị Hphải trả cho ông Ch là là: 147.355.000đồng (*Một trăm bốn mươi bẩy triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định Thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. ***Về án phí***:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 7.367.750.đồng *(Bẩy triệu ba trăm sáu mươi bẩy ngàn bẩy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại ông Phạm Công Ch số tiền 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004508 ngày 25/10/2021.

4. ***Quyền kháng cáo***: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Bình.
-VKSND tỉnh Thái Bình
-VKSND huyện Quỳnh Phụ.
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
-Những người tham gia tố tụng.
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC